

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD2+RP3	7:25	16+6+0	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
2		RP2+RC5+P7	7:25	20+1+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	chuyen 7 RC5-P7
3		BK8+CLO+CNV	7:25	4+17+1	0+0+0		4+10+1	0+0+0	
4		CTC1+BK6+P2	7:25	8+3+10	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
5		MRM+GTCL+RC5	9:25	20+0+0	0+0+0		16+2+3	0+0+0	chuyen 4 GTCL-RC5
6		BK15+P6+CLO	9:25	2+0+19	0+0+0		2+0+6	0+0+0	CHUYEN 1 P6-CLO
7		PVD1+P2+P3	9:25	20+0+2	0+0+0		12+7+0	0+0+0	CHUYEN 1 P2-P3
8		MRM+TD3+TD1	9:25	2+0+19	0+0+0		0+0+20	0+0+0	CHUYEN 1 td3-td1
9		P4+P7+P2	11:25	1+0+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 P4-P7CHUYEN 2 P4-P2
10		PVD1+TD1+CLO	11:25	13+0+8	0+0+0		8+4+8	0+0+0	CHUYEN 2 TD1-CLO
11		BK5+RC3+RP2	11:25	6+5+2	0+0+0		5+5+9	0+0+0	
12		VSR01+CTK3+CTC1	11:25	1+21+0	0+0+0		0+14+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 5 người Rp3 về đi ctk3, 1 người Rp2 về đi P4
2/ ĐI VỀ TRONG NGÀY CTC1-3 NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2022	TO: TD1 - TD2 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - MTHAO - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1					100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN BAO	TD1	37	1	10	20	80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DANH QUY	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN HOAN	TD1	38	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
5	LE XUAN HAI	TD1	35	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	34	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG THANG	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN QUY	TD1	36	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	HO VAN HAU	TD1	39	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH LUAN	TD1	40	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE TRONG LUONG	TD1	42	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN TRUONG	TD1	44	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUNG DUNG	TD2	08	1	8		80	DVL	Vietnamese
15	ĐANG QUỐC ĐẠT	TD2	56	1	13		80	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG	TD2	03,90	2	5		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THU	TD2	55	1	15		65	DVL	Vietnamese
18	LE HOAI THIEN	TD2	57-58	2	17		80	DVL	Vietnamese
19	NHAM ĐỨC TUAN	TD2	01-02	2	17		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	13	10	62	940	20	11		
2	TD2	6	9	75	455	0	0		
3	RP3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		19	19	137	1.395	20	22		
WEIGHT KG				137	1.395	20			

GRAND TOAL: 1.552 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RP2 - RC5 - P7	CREW: VThắng - N.Anh - Q.Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

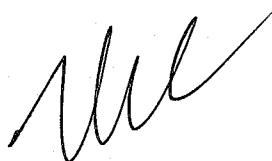
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN QUYEN	RP2	59-60	2	19	30	64	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN THANH DUY	RP2	75	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU VAN DIEN	RP2	56-57	2	16		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUOC KHANH	RP2	65	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC VINH	RP2	62	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOANG	RP2	68	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	DAO VAN TUAN	RP2	70	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HÔ ĐỨC LONG	RP2	61	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG XUAN KHOA	RP2					69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG QUANG	RP2	63	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HAI SANG	RP2	64	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC TAN	RP2	58	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN THANH	RP2	74	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG QUOC VUONG	RP2	71	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	VU DUY QUYEN	RP2	69	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CHI CUONG	RP2	66	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI VAN TUAN	RP2	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM BA HOANG	RP2	72-73	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

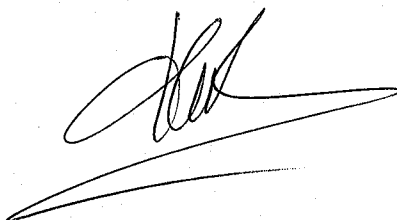
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	20	137	1.238	30	14		CHUYEN 07 PAX TU RCS SANG P7
2	RC5	0	0	0	0	37	0	7	
3	P7	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		18	20	137	1.238	67	22		
WEIGHT KG				137	1.238	67			

GRAND TOAL: 1.442 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2022	TO: BK8 - CLO - CNV	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÍNH	BK8	47	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TÂN	BK8	46	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
3	PODYMОВ DMITRY	BK8	45	1	6		149	KH-THAC	Russian
4	ĐỖ VĂN HÙNG	BK8	48	1	7		68	PSV	Vietnamese
5	DATSKO PAVEL	CLO	74	1	10		109	KHOAN	Russian
6	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	31,37	2	10		90	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	65-66	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN TRUNG	CLO	71	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC LUÂN	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
10	CHU ĐỨC AI	CLO	73	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HỮU SƠN	CLO	72	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	70	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	SUKHOMLIN IGOR	CLO	75	1	7		131	KHOAN	Russian
14	PHAN QUANG HIỀN	CLO	64	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	67	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ QUANG ĐẠO	CLO	68-69	2	15		81	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	35	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN BÌNH	CLO	36	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
19	BUI TRẦN NAM	CLO	33-34	2	15		69	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ ĐỨC TOÀN	CLO	32	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
21	MAI VĂN HỒI	CLO	31	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	30	1	4	40	63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	4	4	27	359	0	4		
2	CLO	17	20	135	1.356	0	10		
3	CNV	1	1	4	63	40	1		
TOTAL		22	25	166	1.778	40	15		
WEIGHT KG				166	1.778	40			

GRAND TOAL: 1.984 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: CTC1 - BK6 - P2	CREW: LHM - ĐỨC - dũng	ETA: 09:30
trang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN NINH	CTC1	74	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN CONG TUYEN	CTC1					77	KH-THAC	Vietnamese
3	BONDARENKO	CTC1	78	1	5		98	KH-THAC	Russian
4	POPOV	CTC1	77	1	4	20	74	KH-THAC	Russian
5	BOBROV	CTC1	76	1	4		88	KH-THAC	Russian
6	PHAN CONG HOANG	CTC1	71-72	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN HUYEN	CTC1	75	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NAM SON	CTC1	79-80	2	12		84	GETRACO	Vietnamese
9	TRAN QUANG BINH	BK6	35	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	BK6	34	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUC THIET	BK6	33	1	5	30	68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG SON	P2	59	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC KHUYEN	P2				70	73	KHI	Vietnamese
14	HOANG MINH HIEU	P2	51-52	2	13		68	KHI	Vietnamese
15	VO DUY TOAN	P2	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HO NGHIA TAI	P2	56	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
17	HA VAN NIN	P2	58	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LE HUNG CUONG	P2	55	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CHI HUONG	P2	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	VO ANH NGOC	P2	53	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

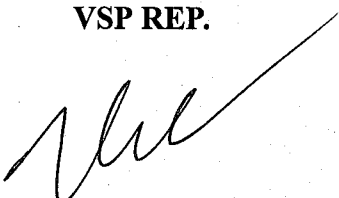
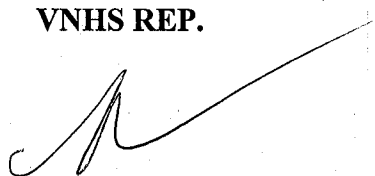
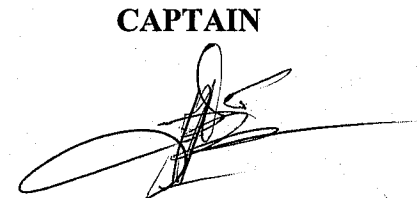
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	8	9	43	628	20	03		
2	BK6	3	3	18	230	30	04		
3	P2	9	9	53	639	70	05		
TOTAL		20	21	114	1.497	120	22		
WEIGHT KG				114	1.497	120			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2022	TO: MRM - GTC1 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - MTHAO - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	100	1	5		90	AMNGR	Russian
2	IAMASHEV ALBERT	MRM	72	1	5		75	AMNGR	Russian
3	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	74	1	10	50	85	AMNGR	Russian
4	TROIANOV DMITRII	MRM	75-76	2	17		85	AMNGR	Russian
5	NABOKOV ANDREY	MRM	70	1	10		80	AMNGR	Russian
6	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	97-98	2	17		85	AMNGR	Russian
7	FILATOV SERGEY	MRM	68-69	2	17		100	AMNGR	Russian
8	BOYCHUK VALERII	MRM	99	1	11		70	AMNGR	Russian
9	ZAKHAROV ALEKSEI	MRM	71	1	8		80	AMNGR	Russian
10	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	77-78	2	18		90	AMNGR	Russian
11	KARAVKA ANTON	MRM	03	1	12		90	AMNGR	Russian
12	SHETININ IVAN	MRM	73	1	9		80	AMNGR	Russian
13	LE TRUNG SON	MRM	83-84	2	18		75	D-HANH	Vietnamese
14	TRAN VAN LE	MRM	62	1	14		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	MRM	01	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG TRỌNG BAI	MRM	91	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUY KHANH	MRM	85-86	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THAI SON	MRM	87-88	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO TRỌNG HIEN	MRM	89-90	2	17		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	19	27	250	1.525	50	16		CHUYEN 04 TU GTC1 SANG RC5
2	GTC1	0	0	0	0	0	2	4	
3	RC5	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	27	250	1.525	50	21		
WEIGHT KG				250	1.525	50			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: BK15 - P6 - CLO	CREW: VThắng - N.Anh - Q.Trường	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LƯU	BK15	50	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN PHUONG	BK15	51	1	5		60	PSV	Vietnamese
3	LUU THIEN DUC	CLO	99	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM MINH THANG	CLO	98	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
5	BUI XUAN DUY	CLO	89	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TIEN	CLO	800	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH XUAN PHU	CLO	01	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TOÀN THẮNG	CLO	88	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
9	HOANG THANH TUYEN	CLO	93-94	2	10	15	75	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ TRỌNG DUNG	CLO	90-91	2	19		63	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ BA TU	CLO	95	1	7	18	68	CODIEN	Vietnamese
12	TRINH HUY TOAN	CLO	97	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
13	BUI DUC TRUNG	CLO	87	1	11		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

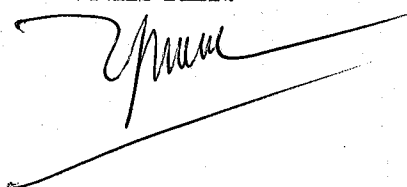
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	2	2	13	130	40	2		CHUYEN 1 PAX P6 SANG CLO
2	P6	0	0	0	0	0	0+1		
3	CLO	11	13	97	766	33	6		
TOTAL		13	15	110	896	73	8		
WEIGHT KG				110	896	73			

GRAND TOAL: 1.079 KGS

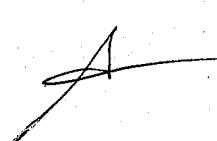
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2022	TO: PVD1 - P2 - P3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - TRUÔNG - Vũ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THOMAS HOGG	PVD1	71-72	2	17		68	PVD DD	British
2	ĐO THANH TUNG	PVD1	20	1	13		72	PVD DD	Vietnamese
3	NGUYEN CONG CHUC	PVD1	66	1	10		76	PVD DD	Vietnamese
4	ERWAN TURLIN	PVD1	67-68	2	18		85	PVD DD	French
5	TRUONG THANH TUAN	PVD1	69-70	2	19		75	PVD DD	Vietnamese
6	DINH VAN CHAO	PVD1	23	1	10		76	PVD	Vietnamese
7	LE VAN VIET	PVD1	60	1	8		83	PVD	Vietnamese
8	PHAM TAN DIEN	PVD1	64-65	2	10		63	PVD	Vietnamese
9	DOAN VAN HUNG	PVD1	21	1	6		61	PVD	Vietnamese
10	BUI QUOC GIA	PVD1	62	1	5		75	PVD	Vietnamese
11	LE BA LONG	PVD1	58-59	2	17		61	PVD	Vietnamese
12	NGUYEN CAO TUAN	PVD1	84,54	2	19		56	PVD	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THANH	PVD1	63	1	5		71	PVD	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CUONG	PVD1	86	1	9		60	PVD	Vietnamese
15	TRAN VAN CHUNG	PVD1	61	1	5		65	PVD	Vietnamese
16	DOAN VAN TUAN	PVD1	56	1	8		69	PVD	Vietnamese
17	DOAN VAN LUAN	PVD1	22	1	7		67	PVD	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC TRIEU	PVD1	82-83	2	10		74	PVD	Vietnamese
19	DAO XUAN AN	PVD1	57	1	10		82	PVD	Vietnamese
20	HUYNH TAN DUYEN	PVD1	55	1	5		65	PVD	Vietnamese
21	LE THANH HIEU	P3	51-52	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
22	DOAN VIET DONG	P3	53-54	2	19		76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	20	27	211	1.404	0	12		CHUYEN 1 PAX P2 SANG P3
2	P2	0	0	0	0	78	7	1	
3	P3	2	4	37	146	0	0		
TOTAL		22	31	248	1.550	78	19		
WEIGHT KG				248	1.550	78			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: MRM - TD3 - TD1	CREW: LHai - ĐỨC - dũng	ETA: 11:30
TRANG-2			

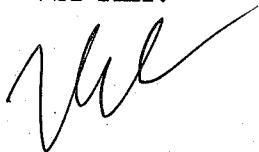
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MOROZOV ANDREI	MRM	03	1	5		88	AMNGR	Russian
2	GRITCENKO VLADIMIR	MRM	37-38	2	15		70	AMNGR	Russian
3	KARNIUKHIN VITALIL	MRM	36	1	4		67	AMNGR	Russian
4	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD1	83	1	12		72	D-HANH	Vietnamese
5	TRẦN ANH VINH	TD1	89	1	12		60	DVL	Vietnamese
6	MULNIUCHKIN V.V.	TD1	300	1	12		94	DVL	Russian
7	USATENKO DMITRII	TD1	81	1	12		96	DVL	Russian
8	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	87-88	2	15		73	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NGHĨA	TD1	86	1	15		88	DVL	Vietnamese
10	HOÀNG ĐĂNG THIÊN	TD1	84	1	15		71	DVL	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HIỆP	TD1	85	1	15		65	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	82	1	15		60	DVL	Vietnamese
13	VŨ ANH MINH	TD1	90-92	3	15		78	T-TIN	Vietnamese
14	LE VAN NGOC	TD1	96	1	5		76	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	98	1	4		59	PSV	Vietnamese
16	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	94	1	3		69	PSV	Vietnamese
17	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	95	1	7		72	PSV	Vietnamese
18	ĐẠU ĐỨC HUNG	TD1	99	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	93	1	8		70	PSV	Vietnamese
20	ĐẠU VIỆT BẠC	TD1	32	1	4		79	PSV	Vietnamese
21	LE VAN LINH	TD1	97	1	6		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	3	4	24	225	0	0		CHUYEN 1 PAX TD3 SANG TD1
2	TD3	0	0	0	0	0	1+2		
3	TD1	18	21	180	1.328	0	15		
TOTAL		21	25	204	1.553	0	16		
WEIGHT KG				204	1.553	0			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: NO 9	TO: P4 - P7 - P2	CREW: HUNG - Mạnh - THỤ	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DOAN DUC	P4	48	1	7	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN MINH XANH	P2	76	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	73	1	5	40	85	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	69	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THAI	P2	75	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIỀN CHUÔNG	P2	71	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ HIẾN THANH	P2	74	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	70	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ QUỐC TUÂN	P2	79-80	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI HỒNG SANG	P2	68	1	15		95	XAYLAP	Vietnamese
11	HỒNG PHƯỚC SANG	P2	72	1	5		65	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	1	7	65	40	0 + 3		CHUYEN 1 PAX P4-P7 CHUYEN 2 PAX P4-P2
2	P7	0	0	0	0	0	0		
3	P2	10	11	80	703	40	20		
TOTAL		11	12	87	768	80	20		
WEIGHT KG				87	768	80			

GRAND TOAL: 935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2022	TO: PVD1 - TD1 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT: NO 10	FROM: VT	CREW: QViệt - CHIẾN - HIẾU	ETA: 13:15
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HOANG YEN	PVD1	38-39	2	16		68	PVD	Vietnamese
2	VU VAN TANG	PVD1	31	1	8		70	PVD	Vietnamese
3	DOAN DUC THO	PVD1	32	1	10		68	PVD	Vietnamese
4	DANG DUY NGAI	PVD1	29	1	9		60	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN DINH CUONG	PVD1	25	1	8		74	PSV	Vietnamese
6	LE TAT VINH	PVD1	26	1	7		78	PSV	Vietnamese
7	NGO VIET PHUONG	PVD1	28	1	13		94	KHOAN	Vietnamese
8	BUI ANH TU	PVD1	30	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM HUU HUAN	PVD1	27	1	15		64	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM NGOC NINH	PVD1	81	1	4		79	PSV	Vietnamese
11	THAI VAN QUY	PVD1	34-35	2	18		72	PVD-INVES	Vietnamese
12	NGUYEN DOAN	PVD1	36-37	2	20	15	63	PVD-INVES	Vietnamese
13	LUU VAN TRONG	CLO	82	1	4		58	PSV	Vietnamese
14	LE MINH MINH	CLO	80	1	7		70	PSV	Vietnamese
15	LE VAN HUNG	CLO	79	1	4		63	PSV	Vietnamese
16	PHAM MINH DUC	CLO	81	1	4		90	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CUONG	CLO	83	1	6		55	PSV	Vietnamese
18	YANCHENKO	CLO	78	1	12		82	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

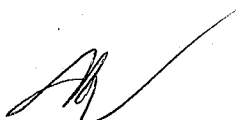
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	12	15	140	860	15	8		CHUYEN 2 PAX TD1-CLO
2	TD1	0	0	0	0	0	0		
3	CLO	6	6	37	418	0	8		
TOTAL		18	21	177	1.278	15	16		
WEIGHT KG				177	1.278	15			

GRAND TOAL: 1.470 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:50
FLIGHT: NO 11	TO: BK5 - RC3 - RP2	CREW: ĐỨC - VTHU - dũng	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THUY	BK5	92	1	9	40	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN VIỆT	BK5	93	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU NGHIÊM	BK5	91	1	5		50	PSV	Vietnamese
4	ĐO NG. HỒNG THANH	RC3	56	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TUẤN ANH	RC3	54	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG HOANG ANH	RC3	57	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	58	1	3	50	67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN CAO MONG	RC3	55	1	6		65	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYỄN VŨ QUYỀN	RP2	79	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BÀ TUẤN	RP2	78	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	3	3	19	192	40	5		
2	RC3	5	5	32	350	50	5		
3	RP2	2	2	9	125	0	9		
TOTAL		10	10	60	667	90	19		
WEIGHT KG				60	667	90			

GRAND TOAL: 817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: NO 12	TO: CTK3 - CTC1	CREW: Hạnh - VLinH - THU	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HIỆU TRUNG	CTK3	44	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	45	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẦN VĂN CHUYỀN	CTK3	43	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẦN KHẮC THẮNG	CTK3	41	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	42	1	5	55	76	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	37-38	2	13	35	68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	CTK3	59	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG THANH	CTK3	53-54	2	14		53	XAYLAP	Vietnamese
9	KIỀU HAI DƯƠNG	CTK3	50	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	CTK3	51-52	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC THẢO	CTK3	48-49	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HÙNG	CTK3	55	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC ĐĂNG	CTK3	46	1	18	10	66	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ QUANG HÀ	CTK3	39	1	10		74	PSV	Vietnamese
15	BUI ĐỨC CHÍNH	CTK3	40	1	12		64	PSV	Vietnamese
16	HOANG DUC HAI	CTK3	34	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
17	MAI DINH KHANG	CTK3	35-36	2	13		68	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG TUAN	CTK3	29	1	10	10	68	CODIEN	Vietnamese
19	PHAM THAI SON	CTK3	32-33	2	13	35	57	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN TRI PHUOC	CTK3	31	1	12		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	26	226	1.313	145	14		
2	CTC1	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		20	26	226	1.313	145	21		
WEIGHT KG				226	1.313	145			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 15:15
FLIGHT:	TO: PVD1	CREW: ATUÂN - Thanh	ETA: 16:45

ROUTE: VT - PVD1 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - PVD1								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	13	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK : DON 13 F0					
VSP REP.					PAX.WEIGHT
VNHS REP.					BAG.WEIGHT
CAPTAIN					CARGO WEIGHT
					TOTAL

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FO



FLIGHT MANIFEST

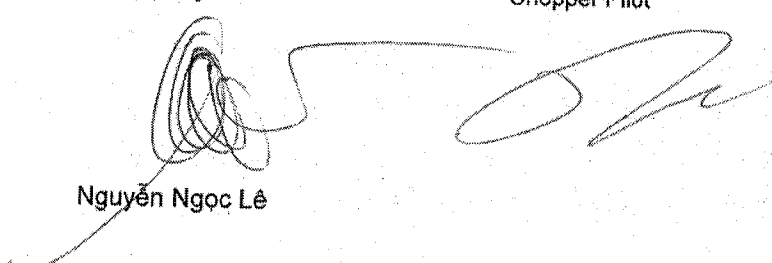


ROUTE: VT → PVD1 → VT

DATE :	9 March 2022		FROM : PVD1	ETD : 1605	AIRCRAFT	VN8614	
FLIGHT :	Super Puma - MHT - No:		TO : VUNG TAU	ETA : 1640	CREW	A.Tuan - Thanh	
No°	NAME	POSITION	COMPANY	NATIONALITY	PP / ID No°	BODY WEIGHT	BAGGAGE
						PCS	KGS
1	Nguyen Xuan Thang	001075003368	Vietnamese	Chief Electrician	PVD DD	75	1 10
2	Trinh Huu Trung	273113646	Vietnamese	Chief ET	PVD DD	70	1 10
3	Võ Hùng Sơn	001062003794	Vietnamese	Painter	PVD	66	1 10
4	Nguyễn Văn Quảng	273246149	Vietnamese	Scaffolder	PVD	71	1 10
5	Võ Xuân Quang	044086002794	Vietnamese	Derrickman	PVD	72	1 10
6	Phan Lê Minh Toàn	27362711	Vietnamese	Utility	PSV	68	1 10
7	Nguyen Quoc Cong	042086000490	Vietnamese	Driller	PVD	76	1 10
8	Tran Tuan Nghia	273132511	Vietnamese	Driller Trainee	PVD	71	1 10
9	Trinh Huu Binh	038077011001	Vietnamese	Floorman	PVD	65	1 10
10	Hoang My Tung	25924722	Vietnamese	Floorman	PVD	66	1 10
11	Nguyen Tien Trung	183109198	Vietnamese	Painter	PVD	69	1 10
12	Vu Ngoc Khuyen	030075015487	Vietnamese	LGI Inspector	PVD	70	1 10
13							
14							
15							
16							
No°	FREIGHT DESCRIPTION			DESTINATION	QUANTITY	WEIGHT	
1				Vungtau			

Companyman

Chopper Pilot



Nguyễn Ngọc Lê

TOTAL PAX TO VT	12	PAX
Body Weight	839	KG
Baggage Weight	120	KG
Freight Weight	0	KG
GRAND TOTAL	959	KG